

CÔNG TY TNHH NAOKI VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NAOKI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAOKI VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NAOKI VIETNAM

2. Mã số doanh nghiệp: 0110634778

3. Ngày thành lập: 29/02/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 14 Tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0386842670

Fax:

Email: nguyennhuquynh0627@gmail.com Website:
om

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán mô tô, xe máy Loại trừ: Đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng	4541
6.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Loại trừ Đấu giá	4543
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ Đấu giá)	4610
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không bao gồm: thiết bị thu phát sóng)	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).	4659
13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu, dầu mỡ nhờn và các sản phẩm liên quan (không lập trạm xăng dầu tại địa điểm trụ sở chính)	4661
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
17.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Loại trừ hợp báo)	8230
18.	Dịch vụ đóng gói	8292
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương mại 2005) - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Điều 50 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017)	8299
20.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính, kế toán) - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (Trừ ủy thác đầu tư, ủy thác chứng khoán, ủy thác tài chính)	6619
21.	Quảng cáo (Không bao gồm: quảng cáo thuốc lá)	7310
22.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Loại trừ hoạt động điều tra thu thập ý kiến về các sự kiện chính trị)	7320
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
24.	Bán buôn tổng hợp (Trừ những mặt hàng Nhà nước cấm)	4690(Chính)
25.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719

26.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
27.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
28.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
29.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất mực in	2022
30.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
31.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất dầu mỡ hoá chất.	2029
32.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
33.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
34.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
35.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
36.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
37.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Loại trừ: Sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại	2599
38.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
39.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
40.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
41.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
42.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
43.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
44.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
45.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
46.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
47.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
48.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
49.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
50.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
51.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
52.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
53.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
54.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

55.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ Đấu giá)	4774
56.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4784
57.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ Đấu giá)	4791
58.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá hàng hoá)	4799
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
61.	Bốc xếp hàng hóa	5224
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
63.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
64.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
65.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa	3250
66.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
67.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
68.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
69.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
70.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
71.	Xây dựng nhà để ở	4101
72.	Xây dựng nhà không để ở	4102
73.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
74.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
75.	Xây dựng công trình điện	4221
76.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
77.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
78.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
79.	Xây dựng công trình thủy	4291
80.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
81.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
82.	Phá dỡ (Trừ rà phá bom mìn)	4311
83.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ rà phá bom mìn)	4312
84.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

85.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
86.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
87.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
88.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
89.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
90.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí, vàng miếng)	4773

6. **Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG THẠCH THẮNG	Việt Nam	Thôn Bằng Tạ, Xã Cẩm Lĩnh, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.700.000.000	90,000	008090007209	
2	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	Việt Nam	Thôn Bằng Tạ, Xã Cẩm Lĩnh, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	300.000.000	10,000	001197036469	

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

* **Họ và tên:** NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH **Giới tính:** Nữ
Chức danh: Giám đốc
Sinh ngày: 27/06/1997 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001197036469
Ngày cấp: 24/07/2021 **Nơi cấp:** Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ thường trú: Thôn Bằng Tạ, Xã Cẩm Lĩnh, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa chỉ liên lạc: Thôn Bằng Tạ, Xã Cẩm Lĩnh, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội